

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
1	152233013	Lê An	K15KTR1	8.5		6.5						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
2	152232936	La Đức Anh	K15KTR1	7		7.5						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
3	152232928	Hà Xuân Bách	K15KTR1	8.5		7						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
4	152232813	Trương Hoàng Quốc Bảo	K15KTR1	8.5		8.5						8.5	8.5	Tám phẩy Năm		
5	152233018	Đặng Thanh Bình	K15KTR1	9		7.8						8	8.1	Tám phẩy Một		
6	152232848	Nguyễn Lê Cường	K15KTR1	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
7	152232910	Phạm Văn Cường	K15KTR1	8.5		7.5						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
8	152232865	Nguyễn Thành Đạt	K15KTR1	7		7						7.3	7.2	Bảy phẩy Hai		
9	152232819	Trần Thị Ngọc Diễm	K15KTR1	5		5						5	5.0	Năm		
10	152233046	Trần Ngọc Diện	K15KTR1	7.5		7.5						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
11	152232925	Dương Công Định	K15KTR1	7		6						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
12	152232800	Nguyễn Duy Dương	K15KTR1	7		6.5						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
13	152232832	Nguyễn Minh Dương	K15KTR1	9		8.5						8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
14	152232939	Hoàng Thị Duy Duyên	K15KTR1	9		8.5						8	8.3	Tám phẩy Ba		
15	152232971	Bùi Thanh Hải	K15KTR1	8		7.5						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
16	152232853	Đỗ Diệu Hằng	K15KTR1	9		7.5						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
17	152232906	Võ Thế Hào	K15KTR1	9		8.5						8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
18	152233005	Nguyễn Tấn Hiền	K15KTR1	8		7.5						7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
19	152232863	Vũ Trung Hiếu	K15KTR1	8		8						8	8.0	Tám		
20	152233032	Nguyễn Thái Hưng	K15KTR1	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
21	152233001	Nguyễn Thị Anh Khôi	K15KTR1	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
22	152232973	Trần Khánh Linh	K15KTR1	9		8.5						8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
23	152233028	Nguyễn Văn Lợi	K15KTR1	8		7.5						7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
24	152233033	Thân Ngọc Long	K15KTR1	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
25	152232840	Bùi Thị Mỹ	K15KTR1	8		6.5						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
26	152232810	Từ Thị Ly Na	K15KTR1	6		7.5						7	7.0	Bảy		
27	152233010	Văn Thị Thuý Nga	K15KTR1	9		7						6	6.8	Sáu phẩy Tám		
28	152233043	Lê Thị Hồng Nhung	K15KTR1	8		7.5						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
29	152235532	Nguyễn Đặng Tuấn Phúc	K15KTR1	8		7						6.3	6.8	Sáu phẩy Tám		
30	152236324	Nguyễn Đình Phúc	K15KTR1	6		6.5						5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
31	152232858	Phùng Tiểu Phụng	K15KTR1	9		8.5						8	8.3	Tám phẩy Ba		
32	152232874	Lê Tự Nhật Quang	K15KTR1	7		6.5						6	6.3	Sáu phẩy Ba		
33	152232811	Nguyễn Văn Quý	K15KTR1	8		6						5	5.8	Năm phẩy Tám		
34	152235538	Nguyễn Ngọc Rin	K15KTR1	9		7.5						7	7.5	Bảy phẩy Năm		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
35	152232834	Phạm Ngọc Tài	Tài	K15KTR1	7		6.5						6	6.3	Sáu phẩy Ba		
36	152232992	Trần Bá Quốc Thắng	Thắng	K15KTR1	9		7.5						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
37	142231439	Đặng Tất Thành	Thành	K15KTR1	3		5						4	4.2	Bốn phẩy Hai		
38	152232899	Lê Duy Thành	Thành	K15KTR1	5		6						6	5.9	Năm phẩy Chín		
39	152232839	Đặng Công Thọ	Thọ	K15KTR1	5		6						8.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
40	152232866	Dương Thị Thủy	Thủy	K15KTR1	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
41	152232875	Võ Cảnh Trí	Trí	K15KTR1	5		6						7	6.4	Sáu phẩy Bốn		
42	152233003	Hồ An Bảo Trung	Trung	K15KTR1	4		5						5	4.9	Bốn phẩy Chín		
43	152232954	Lê Văn Tuấn	Tuấn	K15KTR1	6		7						8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
44	152235835	Nguyễn Đắc Thanh Tùng	Tùng	K15KTR1	6		7						7.5	7.1	Bảy phẩy Một		
45	152233047	Trần Thế Vũ	Vũ	K15KTR1	3		5						5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
46	152232980	Nguyễn Thị Yến	Yến	K15KTR1	6		6						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
47	152232872	Trần Văn Thi	Thi	K15KTR1	3		4						5	4.4	Bốn phẩy Bốn		
48	152232921	Tô Ngọc Anh	Anh	K15KTR2	7.5		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
49	152232996	Nguyễn Tuấn Anh	Anh	K15KTR2	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
50	152232807	Nguyễn Văn Việt	Chương	K15KTR2	6		7						6	6.3	Sáu phẩy Ba		
51	152232862	Ngô Đăng Điện	Điện	K15KTR2	6		7						5.5	6.0	Sáu		
52	152232826	Trần Quang Định	Định	K15KTR2	9		7						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
53	152232835	Huỳnh Bá Duyên	Duyên	K15KTR2	7.5		7						7	7.1	Bảy phẩy Một		
54	152232901	Trần Nhật Hảo	Hảo	K15KTR2	6		7						4	5.2	Năm phẩy Hai		
55	152233017	Phan Thị Ngọc Hòa	Hòa	K15KTR2	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
56	152232816	Kiều Đình Hoàng	Hoàng	K15KTR2	7.5		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
57	152232828	Võ Xuân Hưng	Hưng	K15KTR2	8		6						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
58	152232857	Huỳnh Việt Hưng	Hưng	K15KTR2	7.5		7						5	6.0	Sáu		
59	152232923	Văn Phú Huy	Huy	K15KTR2	6		7						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
60	152232882	Nguyễn Bá Khoa	Khoa	K15KTR2	5		6.5						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
61	152232915	Trần Thị Mai Li	Li	K15KTR2	8		8						8	8.0	Tám		
62	152232864	Lâm Xuân Linh	Linh	K15KTR2	6		6.5						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
63	152232930	Nguyễn Viết Lộc	Lộc	K15KTR2	8		8						8	8.0	Tám		
64	152232833	Phan Thanh Long	Long	K15KTR2	7		7.5						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
65	152232957	Trần Duy Thanh Long	Long	K15KTR2	6		6.5						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
66	152235502	Hoàng Văn Mạnh	Mạnh	K15KTR2	9		7.5						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
67	152232802	Phan Hữu Minh	Minh	K15KTR2	7		7						7	7.0	Bảy		
68	152232805	Lê Trọng Nghĩa	Nghĩa	K15KTR2	7		7.5						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
69	152232896	Lê Nhật	Nhật	K15KTR2	8		8						8	8.0	Tám		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
70	152232989	Lê Thị ái	Nhung	K15KTR2	7		7						7	7.0	Bảy	
71	152232983	Nguyễn Ngọc	Phúc	K15KTR2	9		9						9	9.0	Chín	
72	152236325	Tô Hữu	Phước	K15KTR2	7.2		7.2						6.9	7.0	Bảy	
73	152232998	Trần Lê Yến	Phương	K15KTR2	7		7						6.9	6.9	Sáu phẩy Chín	
74	152233023	Trần Khánh	Rin	K15KTR2	7		7						7.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
75	152232951	Vũ Quyết	Thắng	K15KTR2	7.5		8						7.6	7.7	Bảy phẩy Bảy	
76	152232876	Nguyễn Duy	Thành	K15KTR2	8		8						7.7	7.8	Bảy phẩy Tám	
77	152232913	Nguyễn Ngọc	Thuyền	K15KTR2	7		6.6						6.6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
78	152233031	Võ Quang	Tiến	K15KTR2	7		6.8						7	6.9	Sáu phẩy Chín	
79	152232995	Nguyễn Xuân	Trường	K15KTR2	6.6		6.4						6.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
80	152232859	Lưu Nhật	Tuấn	K15KTR2	7		6.6						6.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
81	152232961	Trần Văn	Tuấn	K15KTR2	7		7						7	7.0	Bảy	
82	152232849	Trần Viết Lê Hoàng	Việt	K15KTR2	7.2		7						7.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
83	152235536	Đinh Ngọc Hiền	Vy	K15KTR2	6		7						6.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
84	152232934	Phạm Thị Hồng	Yến	K15KTR2	7		6.6						7	6.9	Sáu phẩy Chín	
85	152232025	Phạm Văn	Sơn	K15KTR2	7.8		8						8	8.0	Tám	
86	152232825	Đoàn Văn	Hiếu	K15KTR2	7		6.6						6.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
87	142231404	Trương Nguyễn Anh	Khoa	K15KTR2	4		4						V	0.0	Không	
88	152233004	Trần Thị	Linh	K15KTR2	0		0						HP	0.0	Không	Nợ HP
89	152232855	Trần Nguyễn Trâm	Anh	K15KTR3	4.5		6						7.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
90	152232860	Nguyễn Ngọc	Anh	K15KTR3	5.5		8						8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
91	152233062	Hồ Quốc	Bảo	K15KTR3	5.5		7						7	6.8	Sáu phẩy Tám	
92	152232904	Lê Văn	Chung	K15KTR3	7.3		5						5	5.3	Năm phẩy Ba	
93	152232812	Trần Đức	Diệt	K15KTR3	6.4		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín	
94	152233040	Đinh Khánh	Đồng	K15KTR3	5.5		8						8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
95	152232956	Tổng Ngọc	Dũng	K15KTR3	8.2		7						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
96	142231390	Nguyễn Ngọc	Duy	K15KTR3	4.5		4						4	4.1	Bốn phẩy Một	
97	152232911	Nguyễn Phước	Duy	K15KTR3	4.5		7						8	7.2	Bảy phẩy Hai	
98	152233000	Trần Thanh	Hải	K15KTR3	7.3		7						8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
99	152235837	Nguyễn Trung	Hiếu	K15KTR3	6.4		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín	
100	152232026	Đinh Thị	Hoài	K15KTR3	6.4		6						6	6.1	Sáu phẩy Một	
101	152232941	Nguyễn Công	Hoàng	K15KTR3	9		8						9	8.7	Tám phẩy Bảy	
102	152233026	Phan Anh	Huân	K15KTR3	10		7						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
103	152232975	Lê Thị	Huệ	K15KTR3	10		7						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
104	152235533	Hoàng Trọng	Huy	K15KTR3	8		6						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
105	152233020	Nguyễn Nam	Khánh	K15KTR3	9		6.5						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
106	152233042	Lê Thị Thuỳ	Linh	K15KTR3	10		7						8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
107	152232922	Lê Bảo	Lộc	K15KTR3	10		8						9	8.9	Tám phẩy Chín	
108	152232852	Võ Hoàng	Long	K15KTR3	9		7						8	7.9	Bảy phẩy Chín	
109	152233063	Nguyễn Thành	Minh	K15KTR3	9		6						5	5.9	Năm phẩy Chín	
110	152232890	Nguyễn Thị Thanh	Mùi	K15KTR3	10		7						9.5	8.8	Tám phẩy Tám	
111	152232907	Nguyễn Trịnh	Nam	K15KTR3	10		7						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
112	152232877	Võ Thuỳ	Nguyên	K15KTR3	10		7.5						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
113	152232893	Lại Trọng	Nguyên	K15KTR3	9		7						7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
114	152232814	Nguyễn Thành	Nhân	K15KTR3	9		6						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
115	152232799	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	K15KTR3	7.5		8						7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
116	152232993	Trần Thị Cẩm	Nhung	K15KTR3	7.5		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
117	152233058	Hoàng Trung	Phong	K15KTR3	6		6.5						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
118	152232861	Lê Thị Kim	Phúc	K15KTR3	7.5		8						7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
119	152232908	Nguyễn Thị Mai	Phương	K15KTR3	7.5		8						6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
120	152232842	Lê Thị Thu	Phượng	K15KTR3	7.5		8						6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
121	152232817	Trương Bảo	Quốc	K15KTR3	6		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
122	152232850	Mai Tấn	Quý	K15KTR3	6		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
123	152232959	Hồ Như	Quỳnh	K15KTR3	7.5		8						7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
124	152232885	Nguyễn Đức Lê Thanh	Sang	K15KTR3	7		8						9	8.4	Tám phẩy Bốn	
125	152232972	Phùng Minh	Sơn	K15KTR3	7		8						9	8.4	Tám phẩy Bốn	
126	152235937	Văn Công	Tạo	K15KTR3	7.5		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
127	152232898	Võ Thị Phương	Thanh	K15KTR3	9		8.5						8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
128	152235537	Phạm Văn	Thành	K15KTR3	7		6.5						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
129	152232916	Trần Trung	Thiên	K15KTR3	8		7						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
130	152232818	Lê Thị Mỹ	Thuận	K15KTR3	7.5		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm	
131	152232843	Võ Hoàng Cát	Tiên	K15KTR3	8		7.5						8	7.9	Bảy phẩy Chín	
132	152232968	Phan Thị Thanh	Trà	K15KTR3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
133	152232808	Dương	Tùng	K15KTR3	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
134	132234938	Phạm	Văn	K15KTR3	6		5.5						5.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
135	152232824	Phan Quang	Vinh	K15KTR3	8		7						8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
136	152232949	Đỗ Thị Diễm	Vy	K15KTR3	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu	
137	152232889	Đào Ngọc	Quang	K15KTR3	6		5.5						5.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
138	152232023	Ngô Đức	Rin	K15KTR3	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai	
139	152232879	Nguyễn Thế	Anh	K15KTR4	7		7						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
140	152233044	Võ Ngọc Anh		K15KTR4	8		8						8	8.0	Tám		
141	152232943	Lê Quốc Bảo	Bảo	K15KTR4	7		7						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
142	152232988	Nguyễn Xuân Cường	Cường	K15KTR4	7		7						6.3	6.6	Sáu phẩy Sáu		
143	152232823	Trần Việt Đạt	Đạt	K15KTR4	7.5		7.5						7.6	7.6	Bảy phẩy Sáu		
144	152232878	Lục Hiếu Đình	Đình	K15KTR4	6		6.5						6.2	6.3	Sáu phẩy Ba		
145	152233051	Nguyễn Phan Thành	Đồng	K15KTR4	6		6						4	4.9	Bốn phẩy Chín		
146	152232845	Nguyễn Văn Duy	Duy	K15KTR4	6		6						4.8	5.3	Năm phẩy Ba		
147	152232838	Nguyễn Lê Hân	Hân	K15KTR4	8		9						8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
148	152233011	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Hiền	K15KTR4	7		6.5						4.8	5.6	Năm phẩy Sáu		
149	152232851	Trần Minh Hoàng	Hoàng	K15KTR4	6.5		6.5						6.1	6.3	Sáu phẩy Ba		
150	152232979	Hoàng Đình Hùng	Hùng	K15KTR4	7.5		7.5						7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn		
151	152233038	Nguyễn Đình Huy	Huy	K15KTR4	8		8.5						8.2	8.3	Tám phẩy Ba		
152	152232837	Nguyễn Văn Lộc	Lộc	K15KTR4	6		6.5						4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
153	152232958	Phạm Khắc Long	Long	K15KTR4	6.5		6						5.5	5.8	Năm phẩy Tám		
154	152232997	Nguyễn Văn Mạnh	Mạnh	K15KTR4	6.5		7						7.2	7.0	Bảy		
155	152232976	Bùi Thị Diễm My	My	K15KTR4	7.5		7						6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
156	152232895	Phan Thanh Nam	Nam	K15KTR4	8		8						8	8.0	Tám		
157	152232905	Hồ Duy Nguyên	Nguyên	K15KTR4	8		9						7	7.8	Bảy phẩy Tám		
158	152232027	Trần Thị Thanh Nhân	Nhân	K15KTR4	8		9						7	7.8	Bảy phẩy Tám		
159	152232827	Lê Ngọc Tường Nhi	Nhi	K15KTR4	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
160	152232945	Đào Hải Ninh	Ninh	K15KTR4	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
161	152232944	Nguyễn Tổng Phương	Phương	K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy		
162	152232948	Phạm Thị Phương	Phương	K15KTR4	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
163	152232822	Vàng Anh Quốc	Quốc	K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy		
164	152232938	Kiều Quốc Quỳnh	Quỳnh	K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy		
165	152233007	Phan Ngọc Sang	Sang	K15KTR4	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
166	152232924	Phan Lê Thị Hồng Sim	Sim	K15KTR4	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
167	152232900	Nguyễn Hồng Thái	Thái	K15KTR4	8		8						8	8.0	Tám		
168	152233045	Lê Xuân Thắng	Thắng	K15KTR4	8		8						8	8.0	Tám		
169	152232999	Bùi Tất Thành	Thành	K15KTR4	8		8						8	8.0	Tám		
170	152232897	Trương Thanh Thảo	Thảo	K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy		
171	152232881	Trương Anh Thức	Thức	K15KTR4	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
172	152232856	Nguyễn Văn Thực	Thực	K15KTR4	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
173	152233061	Trần Hoàng Tiến	Tiến	K15KTR4	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
174	152232803	Trương Duy Tín	Tín	K15KTR4	8		9						7.5	8.0	Tám		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
175	152233014	Trần Phúc	Toàn	K15KTR4	9		7						8	7.9	Bảy phẩy Chín	
176	152233059	Nguyễn Minh	Trí	K15KTR4	7		8						7	7.3	Bảy phẩy Ba	
177	152233050	Lê Tấn	Trúc	K15KTR4	6		5						5.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
178	152233024	Nguyễn Thành	Trung	K15KTR4	6		8						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
179	152232981	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR4	7		5						8	7.0	Bảy	
180	152236458	Lê Minh	Tuấn	K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy	
181	152232909	Lê Thị Tường	Vi	K15KTR4	6		7						5.5	6.0	Sáu	
182	152232931	Dương Minh	Vũ	K15KTR4	6		6						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
183	152232991	Huỳnh Rô	Y	K15KTR4	7		7						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
184	152232836	Vô Thị Mỹ	Yên	K15KTR4	6		7						6	6.3	Sáu phẩy Ba	
185	152232932	Nguyễn Sơn	Tùng	K15KTR4	6		6						8	7.1	Bảy phẩy Một	
186	152232846	Nguyễn Việt	Anh	K15KTR5	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
187	152232985	Vô Thanh	Cầm	K15KTR5	8		7						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
188	152232964	Từ Thị	Dung	K15KTR5	8		8						8	8.0	Tám	
189	152233029	Ngô Hữu Vũ	Duy	K15KTR5	10		9						8.5	8.9	Tám phẩy Chín	
190	152232021	Phan Hoàng	Hải	K15KTR5	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
191	152233037	Trần Công	Hậu	K15KTR5	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
192	152233039	Thân Trọng	Huỳnh	K15KTR5	10		8						8	8.3	Tám phẩy Ba	
193	152233048	Văn Hữu	Khanh	K15KTR5	7		6						7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
194	142231469	Nguyễn Thế	Kiên	K15KTR5	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
195	142231407	Trần Duy	Linh	K15KTR5	5		5						4	4.5	Bốn phẩy Năm	
196	152232829	Hồ Đức Nguyên	Long	K15KTR5	8		8						8	8.0	Tám	
197	152232966	Châu Thanh	Long	K15KTR5	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
198	152232024	Nguyễn Thị Đan	Na	K15KTR5	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
199	142231413	Nguyễn Giang	Nam	K15KTR5	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
200	152232940	Trần Thị Kim	Oanh	K15KTR5	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
201	152233034	Nguyễn Thanh	Pháp	K15KTR5	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
202	142231423	Phạm Đình Tuấn	Phi	K15KTR5	7		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm	
203	152232978	Phan Đình	Phong	K15KTR5	6		6						5	5.5	Năm phẩy Năm	
204	152233066	Trần Duy	Phúc	K15KTR5	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
205	152232883	Nguyễn Thị Kim	Phượng	K15KTR5	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu	
206	152236462	Nguyễn	Quốc	K15KTR5	4		3						V	0.0	Không	
207	152232022	Thái Anh	Quý	K15KTR5	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
208	142231429	Vũ Trọng	Quý	K15KTR5	6		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
209	152232870	Hồ Thanh	Sơn	K15KTR5	6		6						6	6.0	Sáu	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
210	142234547	Nguyễn Thị Vi	Ta	K15KTR5	5		5						6	5.6	Năm phẩy Sáu		
211	142234647	Trần Duy	Tân	K15KTR5	6		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
212	142231470	Hồ Thị Thanh	Thảo	K15KTR5	8		8						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
213	152232841	Trần	Thêm	K15KTR5	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
214	152233056	Đặng Văn	Thuận	K15KTR5	7		7						7	7.0	Bảy		
215	152232815	Trương Đình Thành	Tín	K15KTR5	6		6						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
216	142231447	Nguyễn Ngọc	Trí	K15KTR5	6		6						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
217	152232888	Trần Đức	Trung	K15KTR5	7		7						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
218	152232892	Phạm Bá	Trường	K15KTR5	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
219	152232920	Trần Quang	Tú	K15KTR5	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
220	152232982	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR5	6		6						6	6.0	Sáu		
221	142231459	Nguyễn Nho Thanh	Tùng	K15KTR5	5		5						4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
222	152232952	Đinh Quang	Văn	K15KTR5	8		8						8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
223	152232804	Lê Quốc	Việt	K15KTR5	8		8						8	8.0	Tám		
224	151214611	Nguyễn Anh	Vũ	K15KTR5	6		6						7.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
225	142234514	Trần Văn	Nhật	K15KTR5	6		6						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
226	132234841	Võ Văn	Hạnh	K15KTR5	7		7						7	7.0	Bảy		
1	142234955	Nguyễn Anh	Tuấn	K14KTR	6		7						6	6.3	Sáu phẩy Ba	376183	
2	4585	Phạm Quang	Huy	K14KTR	8		9						8	8.3	Tám phẩy Ba	34357	

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THÔNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	225	99%	
2	Số sinh viên nợ	3	1%	
TỔNG CỘNG :		228	100%	

Đà Nẵng, 05/12/2013

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Võ Quốc Toàn

Trần Thị Lan Anh

Lê Thị Thu Hà

Ths. Nguyễn Ân